

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2025
V/v tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng và dành quyền
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Huỳnh Thái Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hùng Phước

2. Ông Võ Văn Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Loan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Mỹ Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và dành quyền nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 161/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1985 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ (nay là ấp N, xã N, thành phố Cần Thơ).

- Bị đơn: Ông Lê Thành Q, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ (nay là ấp N, xã N, thành phố Cần Thơ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Hồng C trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lê Thành Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau một thời gian sống chung, hai người thường xảy ra nhiều mâu thuẫn xung đột, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Ông Q cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn với bà. Bà C nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng C yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Lê Thành Q.

Về con chung: Có 01 con chung là Lê Quốc Â (nam) sinh ngày 12/10/2021. Bà yêu cầu được nuôi con chung, bà không yêu cầu ông Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai bị đơn – ông Lê Thành Q trình bày: Về quan hệ hôn nhân, ông không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn vì ông bà đã có một con chung.

Về con chung: Ông mong muốn được nuôi dưỡng con chung vì ông cho rằng bà C không đủ điều kiện bằng ông. Trường hợp bà C được quyền nuôi con chung thì phải chăm sóc thật tốt con chung, phải tạo mọi điều kiện cho ông thăm nom chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không công nhận quan hệ vợ chồng và ông cũng đồng ý giao con chung cho bà C nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 phát biểu quan điểm: Tại phiên tòa, bị đơn thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy,

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng C và ông Lê Thành Q chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Ông Lê Thành Q có nơi cư trú tại ấp N, xã N, thành phố Cần Thơ. Bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, dành quyền nuôi con chung. Quan hệ pháp luật được xác định là *“Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, dành quyền nuôi con”* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án và xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng C.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo bà Nguyễn Thị Hồng C và ông Lê Thành Q khai nhận thì ông bà chung sống với nhau từ năm 2017 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian gần đây ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với ông Q. Theo giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 115 ngày 02/6/2025 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ xác nhận bà Nguyễn Thị Hồng C hiện chưa đăng ký kết hôn với ai. Việc bà C, ông Q chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay là không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn...”Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ”. Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”; tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà C về việc yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Q là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà C và ông Q đều thừa nhận quá trình chung sống ông bà có một con chung là cháu Lê Quốc Â (nam) sinh ngày 12/10/2021, hiện cháu Â đang sống cùng bà C, bà C mong muốn được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Â và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng. Ông Q cũng yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Â vì ông cho rằng ông có đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu hơn bà C. Tại phiên tòa, ông Q đồng ý giao con chung cho bà C nuôi dưỡng; Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu ông Q cấp dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Lê Thành Q

theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C và ông Q xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí án hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng C phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào :

- Khoản 7, 8 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng C.

[1].Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Hồng C và ông Lê Thành Q.

[2].Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Quốc Â (nam) sinh ngày 12/10/2021 cho bà Nguyễn Thị Hồng C tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Lê Thành Q không phải cấp dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Lê Thành Q theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

[3].Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4].Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng C phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng bà C đã nộp theo biên lai thu số 0000196, ngày 11/7/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Cần Thơ thành án phí. Bà C đã nộp xong.

[5]. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành

án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND KV.3;
- THA KV.3 - CT;
- UBND xã Nhon Ái;
- Lưu HS (2b).

Đinh Huỳnh Thái Ngọc